

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HL
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019

V/v “*tranh chấp ly hôn và nuôi con
khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HL - TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ

Bà Đoàn Thị Dung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương -

Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện HL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HL tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2018/QĐST –HNGĐ ngày 27/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M - sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn Th, xã L, huyện HL, TH

2. Bị đơn: Anh Trương Nho Th - sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn X, xã T, huyện HL, tỉnh TH

Tại phiên tòa có mặt chị M; Vắng mặt anh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nguyên đơn trình bày:

Đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp ngày 25/01/2015. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống cứ diễn ra như thế trong một thời gian dài, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Trương Gia H sinh ngày 29/4/2016, hiện tại cháu đang ở với chị M. Ly hôn nguyện vọng của chị M xin được trực tiếp nuôi con và chị yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- **Về tài sản và công nợ:** Để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bị đơn trình bày:

- **Về hôn nhân:** Thời gian và điều kiện kết hôn như chị M trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng bàn bạc để anh đi làm ăn xa. Trong thời gian anh đi làm ở nhà chị M có va chạm với mẹ anh sinh ra mâu thuẫn giữa hai mẹ con. Nên vợ chồng thống nhất để vợ con lên ngoại sinh sống để anh đi làm ăn xa được yên tâm. Trong thời gian anh đi làm xa, ở nhà chị M đi làm công ty rồi nảy sinh ra ý khác. Anh đi làm về thì thái độ của gia đình và chị M lạnh nhạt với anh. Bố anh bị tai nạn anh nghỉ làm về chăm bố, anh bảo chị M đưa con về nhà ở để tiện chăm sóc bố, nhưng chị M không đồng ý và nói với anh là ông bà ngoại bàn với vợ chồng mua đất ở bên ngoại, nhưng bố mẹ anh không nhất trí. Vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì to tát, anh không phải là người hay đánh đập vợ con hay nghiện ngập, rượu chè, cờ bạc mà anh là người tu chí làm ăn lo cho gia đình. Nay chị M không biết nghe lời ai suì xức hay đã có người khác mà làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh vẫn còn yêu thương vợ con. Nếu như chị M không về nhà ở cùng bố mẹ chồng thì vợ chồng ra ngoài thuê nhà ở để tiếp tục cuộc hôn nhân, nên anh đề nghị Tòa án để vợ chồng tự dàn xếp đoàn tụ gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Trương Gia H sinh ngày 29/4/2016, hiện tại cháu đang ở với chị M. Chị M muốn ly hôn thì chị M nuôi con, nếu chị M không nuôi thì để anh nuôi.

- **Về tài sản và công nợ:** Vợ chồng có một số tài sản chung gồm: 14 chỉ vàng 9999, hai bên gia đình cho khi cưới, 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng) vợ chồng chi phí còn lại để gửi tiết kiệm và 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền chi

M nghỉ sinh ở Công ty. Tất cả tài sản trên chị M đang giữ. Tại biên bản hòa giải ngày 20/9/2018 mặc dù anh không ký vào biên bản hòa giải vì anh cho rằng anh không bỏ vợ, bỏ con, nhưng khi hòa giải quan điểm của anh Th về tài sản để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị M, xử cho chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Trương Nho Th.

Về con chung: Xét nguyện vọng của chị M xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Gia H. Thực tế chị M chăm sóc cháu H từ khi sinh ra cho đến nay, hơn nữa cháu đang nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hiện tại cháu đang ổn định và phát triển bình thường tránh sự xáo trộn về tâm lý và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cháu. Vì vậy đề nghị HĐXX giao cháu Trương Gia H cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng từ 1.500.000đ đến 2.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị M và anh Trương Nho Th xác định vợ chồng có một số tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Đỗ Thị M và bị đơn anh Trương Nho Th là tranh chấp về “Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”. Bị đơn có địa chỉ tại thôn X, xã T, huyện HL, tỉnh TH, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HL theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện HL đã triệu tập họp lệ chị Đỗ Thị M và anh Trương Nho Th nhiều lần để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên họp công khai chứng cứ Tòa án đã về địa phương nơi anh Th cư trú xác minh về tình trạng hôn nhân của

vợ chồng. Theo thông tin từ ông Sơn trưởng thôn X, xã T thì được biết, sau khi kết hôn vợ chồng anh Th, chị M ở chung với gia đình. Quá trình chung sống thì nảy sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu nên vợ chồng anh Th đi nơi khác ở. Kể từ đó thôn cũng không nắm được vợ chồng mâu thuẫn như thế nào, nhưng kể từ tháng 5 năm 2018 bố anh Th bị tai nạn anh Th về nhà chăm sóc bố nhưng không thấy mẹ con chị M về. Vợ chồng anh Th có một con chung, cháu đang ở với chị M; Ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/9/2018 đều có mặt chị M và anh Th. Quá trình hòa giải hai bên không thống nhất được những vấn đề giải quyết trong vụ án, Tòa án đã ghi quan điểm của các bên, sau khi Thư ký lập xong biên bản phiên họp công khai chứng cứ và biên bản hòa giải thì anh Trương Nho Th bỏ về không ký vào biên bản vì anh cho rằng anh không bỏ vợ, bỏ con nên anh không ký. Tòa án triệu tập hai bên đương sự đến Tòa án để hòa giải lần 2 vào ngày 02/11/2018, nhưng anh Trương Nho Th vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 27 tháng 12 năm 2018 anh Trương Nho Th vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa và thông báo lịch xét xử lần 2 vào ngày 25/01/2019, nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[3]. Về nội dung vụ kiện: Tại phiên tòa chị Đỗ Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị M:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Trương Nho Th kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã T cấp ngày 25/01/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện HL giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Xét nguyện vọng của chị M xin ly hôn anh Th là phù hợp với thực tế, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không còn tình cảm với nhau. Mặc dù anh Th cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì to tát, mong muốn của anh Th là để vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng thực tế vợ chồng không về chung sống với nhau, nên không có thời gian gần gũi để hàn gắn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa họ đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M cương quyết ly hôn với anh Th là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào

điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Trương Nho Th là phù hợp với thực tế và pháp luật.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị M và anh Trương Nho Th xác định vợ chồng có 01 con chung là Trương Gia H sinh ngày 29/4/2016, hiện tại cháu đang ở với chị M. Ly hôn nguyện vọng của chị M xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ.

Xét yêu cầu của chị M đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H là phù hợp với thực tế, vì cháu H đang còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hiện tại cháu đang ổn định và phát triển bình thường, tránh sự xáo trộn về tâm lý và cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cháu. Do vậy giao cháu Trương Gia H cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị Đỗ Thị M yêu cầu anh Trương Nho Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là quá cao, bởi vì anh Th không có công ăn việc làm ổn định. Vì vậy buộc anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp với thực tế và pháp luật.

- Về tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị M và anh Trương Nho Th xác định vợ chồng có một số tài sản chung. Nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Nếu sau này chị M, anh Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì giành quyền cho chị M và anh Th khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Trương Nho Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

* Xử vắng mặt anh Trương Nho Th. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị M về việc xin ly hôn và nuôi con chung đối với anh Trương Nho Th.

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Trương Nho Th.

- Về con chung: Giao cháu Trương Gia H sinh ngày 29/4/2016 cho chị Đỗ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 02 năm 2019 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

Anh Trương Nho Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0003072 ngày 22/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HL. Anh Trương Nho Th phải nộp 300.000đ án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a Luật Thi hành án dân sự sửa đổi năm 2014. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Hậu Lộc;
- THADS huyện HL;
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T/MHỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Nam Văn

